

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Long Thị Thịnh và bà Hoàng Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn; Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thuý - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Nay là thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Nay là thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nông Thị Lệ Q, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hứa Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng mấy năm rồi ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, anh T

là người nóng tính, thỉnh thoảng có uống rượu thì chửi mắng, dọa đánh chị H nhưng chị H nhẫn nhịn. Đến năm 2014, anh T uống rượu thường xuyên hơn, hay chửi mắng chị H, không chăm lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, thậm chí còn đánh chị H 02 lần, có 01 lần chị H bị đánh vào đầu phải đi viện khám. Mâu thuẫn quá gay gắt nên năm 2015 chị H quyết định đi làm công ty, vợ chồng sống xa nhau một thời gian để anh T thay đổi tính tình nhưng trong suốt thời gian chị H đi làm công ty anh T thường xuyên gọi điện chửi mắng, xúc phạm chị H. Đến cuối năm 2024, chị H nghỉ làm công ty về nhà anh T vẫn thường xuyên uống rượu say, chửi mắng, xúc phạm, dọa đánh chị H, chị H không dám về nhà phải đi nhà họ hàng ở nhờ. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 21/01/2004 và Hoàng Đình H1, sinh ngày 31/7/2011. Con lớn Hoàng Thị L đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con nhỏ Hoàng Đình H1 chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 07 tháng 6 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ. Hiện vợ chồng đang sống ly thân, anh T không biết chị H đang ở đâu. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, anh T không nhất trí ly hôn vì còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 21/01/2004 và Hoàng Đình H1, sinh ngày 31/7/2011. Con lớn Hoàng Thị L đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con nhỏ Hoàng Đình H1 nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con do anh T không đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là toàn bộ thu nhập có trong tài khoản của chị H thời gian đi làm công ty, xác định tổng số tiền gửi, số dư cũng như các giao dịch tài chính từ tài khoản của chị H để đưa toàn bộ số tài sản này vào khối tài sản chung của vợ chồng để tiến hành chia theo quy định. Ngoài ra, anh T còn có ý kiến chị H trả lại 02 đôi hoa tai bằng vàng ta (mỗi đôi 01 chỉ), 01 đôi hoa tai vàng tây (01 chỉ), số tiền 8.100.000 đồng và bổ sung phần chi phí nuôi con trong thời gian chung sống nhưng không đóng góp.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 7 năm 2025, bà Phạm Thị T1, chức vụ: Chánh văn phòng HĐND-UBND xã T trình bày: Quá trình chung sống, chị H thường xuyên đi làm công ty, anh T ở nhà thường xuyên uống rượu. Bà T1 có nghe thông tin mấy tháng trước vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, anh T đánh

đuổi chị H ra khỏi nhà. Hiện chị H không ở nhà, sống ở đâu không rõ, vợ chồng đã sống ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 7 năm 2025, ông Triệu Văn T2 là trưởng thôn Nà Ban, xã T trình bày: Trước đây, chị H đi làm công ty, anh T ở nhà thường xuyên uống rượu say, không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Khi say rượu thì thường xuyên chửi mắng, xúc phạm chị H. Hiện nay chị H đã nghỉ việc về nhà. Ông T2 có nghe thông tin ngày 23/4/2025 (âm lịch) vợ chồng chị H xảy ra cãi cọ, anh T đuổi chị H ra khỏi nhà, không cho chị H làm nhà vì anh T cho rằng đất vợ chồng đang ở là đất của anh T. Ngày 31/5/2025, ông T2 nhận được tin của Công an xã C là chị H bị anh T chửi mắng, đuổi đánh thì ông T2 cùng ông Hoàng Văn H2 đến nhà anh T giải quyết, khi đến nhà anh T đang say rượu nên chỉ nhắc nhở, ông T2 gọi điện khuyên chị H về nhà nhưng chị H không dám về sợ bị đánh. Hiện nay, chị H không còn ở nhà, vợ chồng đã sống ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 7 năm 2025, ông Hoàng Văn H2 là tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn N trình bày: Ông H2 là anh trai ruột của anh T. Quá trình chung sống vợ chồng chị H có cãi chửi nhau nhưng không có việc anh T đánh chị H. Đầu năm 2025, chị H có gọi ông H2 đến nhà hoà giải, lần thứ nhất vào ngày 04/01/2025 (âm lịch); lần thứ hai ông H2 không nhớ chính xác ngày tháng năm chỉ nhớ sau lần thứ nhất khoảng 10 ngày; lần thứ ba chị H không báo ông mà báo lên công an xã, ông H2 cùng ông T2 trưởng thôn vào nhà anh T để nhắc nhở. Anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn. Hiện chị H không ở nhà, không biết đi đâu, ở đâu, vợ chồng đã sống ly thân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Nhất trí với trình bày của bị đơn về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ. Chị H không giao nộp được các tài liệu chứng minh anh T chửi mắng, đuổi đánh, xúc phạm chị H. Tại phiên toà anh T mong muốn hàn gắn với chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Đình H1 cho đến khi con đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hứa Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Hoàng Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn Hoàng Văn T cư trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn hiện nay là thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2004 (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2004, ngày 19/3/2004. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên say rượu, không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên mắng chửi, xúc phạm chị H. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung các biên bản xác minh ngày 21 và ngày 22 tháng 7 năm 2025. Anh T cũng thừa nhận được tát chị H 01 lần và đã được trưởng thôn, tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở thôn đến nhắc nhở, hoà giải mâu thuẫn. Chị H và anh T đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án, anh T cho rằng còn tình cảm với chị H, mong muốn chị H quay về đoàn tụ nhưng lại chưa có biện pháp nào để động viên chị H tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với mình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị H cương quyết ly hôn, cho thấy ý chí của chị H không muốn đoàn tụ với anh T. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị L, sinh ngày 21/01/2004 và Hoàng Đình H1, sinh ngày 31/7/2011.

Con chung Hoàng Thị L đã thành niên, phát triển bình thường, các bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với con chung Hoàng Đình H1, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh T cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con Hoàng Đình H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Hứa Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/6/2025, bản tự khai ngày 17/6/2025 và biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2025, bị đơn anh Hoàng Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là toàn bộ thu nhập có trong tài khoản của chị H thời gian đi làm công ty, xác định tổng số tiền gửi, số dư cũng như các giao dịch tài chính từ tài khoản của chị H để đưa toàn bộ số tài sản này vào khối tài sản chung của vợ chồng để tiến hành chia theo quy định. Ngoài ra, anh T còn có ý kiến chị H trả lại 02 đôi hoa tai bằng vàng ta (mỗi đôi 01 chỉ), 01 đôi hoa tai vàng tây (01 chỉ), số tiền 8.100.000 đồng và bổ sung phần chi phí nuôi con trong thời gian chung sống nhưng không đóng góp. Tòa án đã tiến hành lập biên bản giải thích cho anh Hoàng Văn T về quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không làm đơn phản tố. Đồng thời tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04/8/2025 anh T không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh T trong vụ án này. Sau này, nếu anh T có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hứa Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung:

Con chung Hoàng Thị L, sinh ngày 21/01/2004 đã thành niên, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao con chung Hoàng Đình H1 cho chị Hứa Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con Hoàng Đình H1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hứa Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003705 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- UBND xã Trần Phú, tỉnh Thái Nguyên
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tạ Huyền Trang